

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám Nha khoa Á Châu

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 của Quốc hội ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30/6/2026 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BYT hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 32/2023/TT-BYT quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Thông tư số 23/2024/TT-BYT ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 42/2025/TT-BYT quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người điều khiển phương tiện giao thông đường sắt;

Căn cứ Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 13/7/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định 2066/QĐ-SYT ngày 21/4/2026 của Giám đốc Sở Y tế Ninh Bình về việc kiện toàn Đoàn thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản thẩm định cấp mới Giấy phép hoạt động ngày 20/8/2026 đối với Phòng khám Nha khoa Á Châu và báo cáo khắc phục ngày 03/9/2026 của cơ sở;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 75 danh mục kỹ thuật thực hiện tại Phòng khám Nha khoa Á Châu, địa chỉ: số 57, đường Trần Hưng Đạo, xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình, số Giấy phép hoạt động: 1015/NB-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Ninh Bình cấp ngày 09/9/2026;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành. Phòng khám Nha khoa Á Châu phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ

thuật được Sở Y tế Ninh Bình phê duyệt và theo đúng quy định của pháp luật có liên quan về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý Khám, chữa bệnh, Trưởng các phòng chức năng Sở Y tế, Phòng khám Nha khoa Á Châu và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở Y tế (báo cáo);
- UBND xã Vĩnh Trụ;
- PK Nha khoa Á Châu;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLKCB.

(Th).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phan Anh Phong

PHỤ LỤC. DANH MỤC KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM NHA KHOA Á CHÂU
(Đính kèm Quyết định số 3803 /QĐ-SYT ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Sở Y tế)

TT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	16.37	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
2	16.38	16. RĂNG HÀM MẶT	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
3	16.39	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng cấp
4	16.40	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị áp xe quanh răng mạn
5	16.41	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm quanh răng
6	16.42	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích áp xe lợi
7	16.43	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy cao răng
8	16.50	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nguội
9	16.51	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tuỷ răng và hàn kín hệ thống ống tuỷ bằng Gutta percha nóng chảy
10	16.57	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi
11	16.61	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tuỷ lại
12	16.67	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
13	16.68	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
14	16.70	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement
15	16.71	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
16	16.72	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi cổ răng bằng Composite
17	16.77	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
18	16.84	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
19	16.104	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp nhựa
20	16.105	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại
21	16.106	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần nhựa
22	16.107	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim thường cần sứ
23	16.108	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp hợp kim titanium cần sứ
24	16.109	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ toàn phần

TT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
25	16.110	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp kim loại quý cần sứ
26	16.111	16. RĂNG HÀM MẶT	Chụp sứ Cercon
27	16.112	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu nhựa
28	16.113	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim thường
29	16.114	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần nhựa
30	16.115	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại cần sứ
31	16.116	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
32	16.117	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu kim loại quý cần sứ
33	16.118	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ toàn phần
34	16.119	16. RĂNG HÀM MẶT	Cầu sứ Cercon
35	16.120	16. RĂNG HÀM MẶT	Chốt cùi đúc kim loại
36	16.121	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc Titanium
37	16.122	16. RĂNG HÀM MẶT	Cùi đúc kim loại quý
38	16.123	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Olay kim loại
39	16.124	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Olay hợp kim Titanium
40	16.125	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Olay kim loại quý
41	16.126	16. RĂNG HÀM MẶT	Inlay/Olay sứ toàn phần
42	16,129	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa thường
43	16.130	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa thường
44	16.131	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp bán phần nền nhựa dẻo
45	16.132	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm giả tháo lắp toàn phần nền nhựa dẻo
46	16.133	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung kim loại (chưa bao gồm răng)
47	16.134	16. RĂNG HÀM MẶT	Hàm khung Titanium (chưa bao gồm răng)
48	16.136	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị thói quen nghiến răng bằng máng
49	16.137	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo cầu răng giả
50	16.138	16. RĂNG HÀM MẶT	Tháo chụp răng giả
51	16.139	16. RĂNG HÀM MẶT	Sửa hàm giả gãy
52	16.140	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm răng cho hàm giả tháo lắp
53	16.141	16. RĂNG HÀM MẶT	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp
54	16.142	16. RĂNG HÀM MẶT	Đệm hàm nhựa thường
55	16.203	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn
56	16.204	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
57	16.205	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng vĩnh viễn
58	16.206	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng thừa
59	16.213	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi xơ cho răng mọc
60	16.214	16. RĂNG HÀM MẶT	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
61	16.224	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh với Composite

TT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên chương	Tên kỹ thuật
			quang trùng hợp
62	16.226	16. RĂNG HÀM MẶT	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement
63	16.228	16. RĂNG HÀM MẶT	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
64	16.230	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa viêm tuỷ có hồi phục
65	16.231	16. RĂNG HÀM MẶT	Lấy tuỷ buồng răng sữa
66	16.232	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị tuỷ răng sữa
67	16.233	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit
68	16.234	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA
69	16.236	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glasslonomer Cement
70	16.237	16. RĂNG HÀM MẶT	Phục hồi thân răng sữa bằng chụp thép làm sẵn
71	16.238	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ răng sữa
72	16.239	16. RĂNG HÀM MẶT	Nhổ chân răng sữa
73	16.240	16. RĂNG HÀM MẶT	Chích Apxe lợi trẻ em
74	16.241	16. RĂNG HÀM MẶT	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
75	16.301	16. RĂNG HÀM MẶT	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt

Tổng số: 75 kỹ thuật